TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – HTH phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐST
Ngày: 18/4/2025
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

2. Ông **Nguyễn Văn Thư**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Dạ Quyên**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2025, quyết định hoãn phiên toà ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà HTH, sinh năm: 1976, địa chỉ: K1, TT N, H. N, T. Q. Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Ông PVT, sinh năm: 1973, địa chỉ: K4, Tt N, H. N, T. Q. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà HTH trình bày:

Tôi và ông PVT tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Núi Thành vào năm 1995. Vợ chồng sống HTH phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phần ai nấy sống từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung có hai con gồm PTTH, sinh năm: 1995 và PVV, sinh năm: 2001. Hai con đã thành niên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông PVT trình bày tại hồ sơ: Về điều kiện và thời gian kết hôn ông PVT đồng ý như bà HTH khai, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 1995 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Núi Thành; trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông có ăn chơi, không quan tâm tới vợ con. Từ năm 2020 đến nay, ông PVT sống ở nhà ở khối 4, còn bà HTH sống ở khối 1 nhà mẹ bà HTH. Tuy nhiên ông PVT vẫn còn tình cảm gia đình nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà HTH.

Về con chung có hai con gồm PTTH, sinh năm: 1995 và PVV, sinh năm: 2001. Hai con đã thành niên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; riêng ông PVT không tham gia phiên toà mà không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ là vi phạm quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà HTH ly hôn ông PVT. Về con chung đã thành niên không yêu cầu toà án giải quyết nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà HTH có đơn yêu cầu ly hôn với ông PVT. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông PVT có đăng ký thường trú tại k, tt N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] **Về tố tụng:** Bị đơn ông PVT vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ, do vậy vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung**:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà HTH và ông PVT tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành vào năm 1995. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà HTH và ông PVT là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo

bà HTH là do bất đồng quan điểm sống, theo ông PVT là do bản thân ông có ăn chơi, không quan tâm tới gia đình. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng bà HTH cương quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà HTH và ông PVT đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà HTH được ly hôn với ông PVT là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết do con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Bà HTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HTH về việc "*Ly hôn"* đối với bị đơn ông PVT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà HTH được ly hôn với ông PVT.

2. Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà HTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà HTH đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006954 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Bà HTH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông PVT có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND thị trấn Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thùy